TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2025/HNGĐ-PT Ngày 28-4-2025 V/v tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng và bà Trịnh Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Quí N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Bùi Kim L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Bùi Kim L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 15/10/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Phan Quí N trình bày*:

- Về hôn nhân: Ông và bà Bùi Kim L kết hôn năm 1993, có tổ chức đám

cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, An Giang ngày 22/9/1993 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08-KH, quyển số 01/1993. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Ông và bà L ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân không ai thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Bùi Kim L.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Phan Quí X, sinh năm 1994 và Phan Xuân Q, sinh năm 2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Theo Biên bản hòa giải ngày 13/11/2024, bị đơn là bà Bùi Kim L trình bày:*

- Thống nhất lời trình bày của ông N về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, An Giang năm 1993. Nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân không đúng như ông N trình bày, nguyên nhân ly hôn là do ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần năn nỉ ông N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N không đồng ý, thời gian vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay ông N yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý do bà còn thương ông N, mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung như ông N trình bày, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 23/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quí N; ông N được ly hôn với bà Bùi Kim L.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí hôn nhân sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/3/2025, bị đơn bà Bùi Kim L có đơn kháng cáo đề ngày 26/02/2025, với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Quí N về việc xin ly hôn với bà Bùi Kim L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông N có đơn xin vắng mặt và thể hiện ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn bà L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà L có ý kiến: Việc ông N trình bày vợ chồng mâu thuẫn từ lâu là không đúng; vợ chồng chỉ mới bắt đầu ly thân từ năm 2023 và không liên lạc với nhau từ năm 2024 (ông N đã dọn ra ngoài sinh sống) dù bà năn nỉ hàn gắn nhưng ông N vẫn không đồng ý. Vì bà còn thương ông N, nên bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N. Đồng thời, cho bà thời gian 01 năm để vợ chồng bà tự hàn gắn nhưng bà không nêu được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Bùi Kim L là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Kim L; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện C; bà L chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Bùi Kim L nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Phan Quí N có đơn xin vắng mặt phiên xét xử phúc thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Kim L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08-KH ngày 22/9/1993 là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, nên hôn nhân giữa ông N và bà L là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nay ông N yêu cầu ly hôn với bà L do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2.2] Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà L đều xác định từ năm 2023 vợ chồng bà ly thân, ông N đã thuê nhà trọ sống bên ngoài, không về nhà từ năm 2024, bà cũng không gặp được ông N và không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Đồng thời, qua trình bày của các đương sự thể hiện ông N và bà L có xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài và hai người cũng không chủ động tích cực hàn gắn. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm xét xử cho ông N ly hôn với bà L là có cơ sở. Nay bà L kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông N, bà cho rằng còn thương chồng nhưng bà cũng không nêu ra được biện pháp hàn gắn tình cảm; mặt khác, ông N tuy vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng ông có gửi văn bản trình bày ý kiến vẫn cương quyết ly hôn, cho rằng tình cảm vợ chồng không còn từ hơn 10 năm nhưng vì con không muốn thiếu sự chăm sóc của cả cha mẹ, ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập; năm 2021 vợ chồng đã ly thân, nay cháu nhỏ đã trưởng thành; tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ông N, bà L đã có thời gian dài không gặp nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng, hai người sống ở hai nơi, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trong thời gian dài, chứng tỏ mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cung cấp tài liệu cho rằng ông N có người phụ nữ khác nên mới ly hôn với bà. Xét thấy, các tài liệu bà L cung cấp chỉ là bản phô tô các tin nhắn, không rõ nguồn gốc nên không được xem là chứng cứ. Do đó, bà L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Kim L;

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 29/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quí N. Ông Phan Quí N được ly hôn với bà Bùi Kim L.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Quí N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005015 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Bùi Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008128 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa GĐ&NCTN, Phòng TT, KT&THA, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu